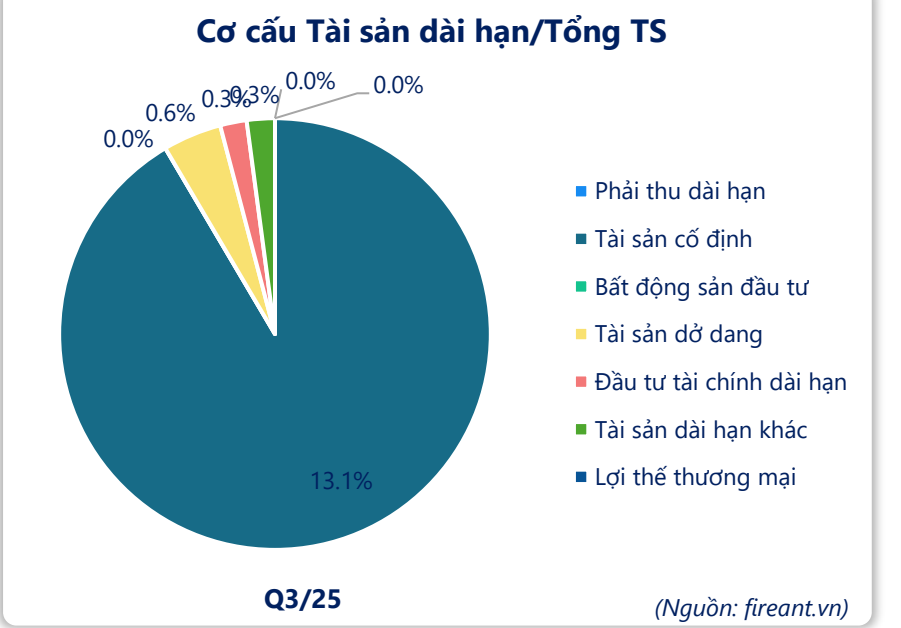
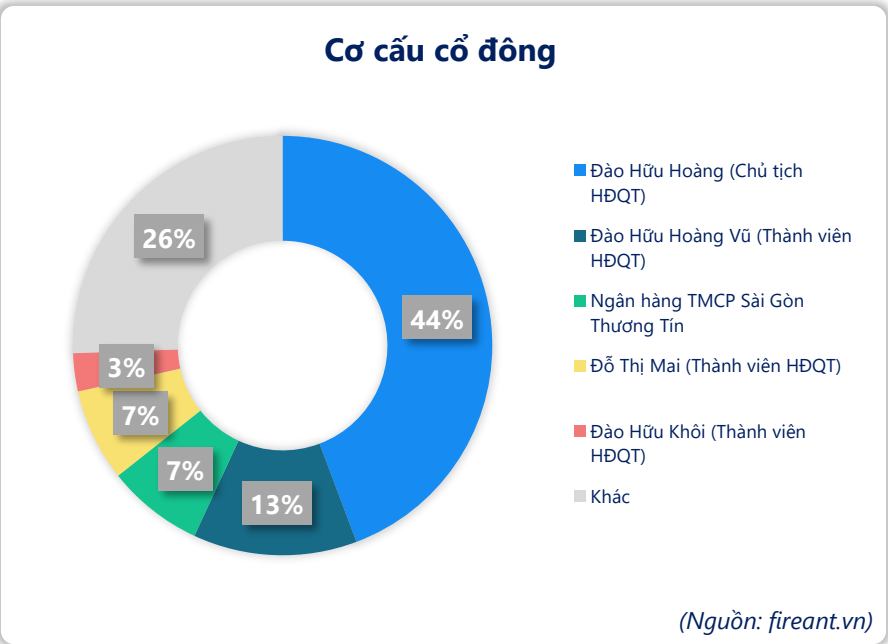
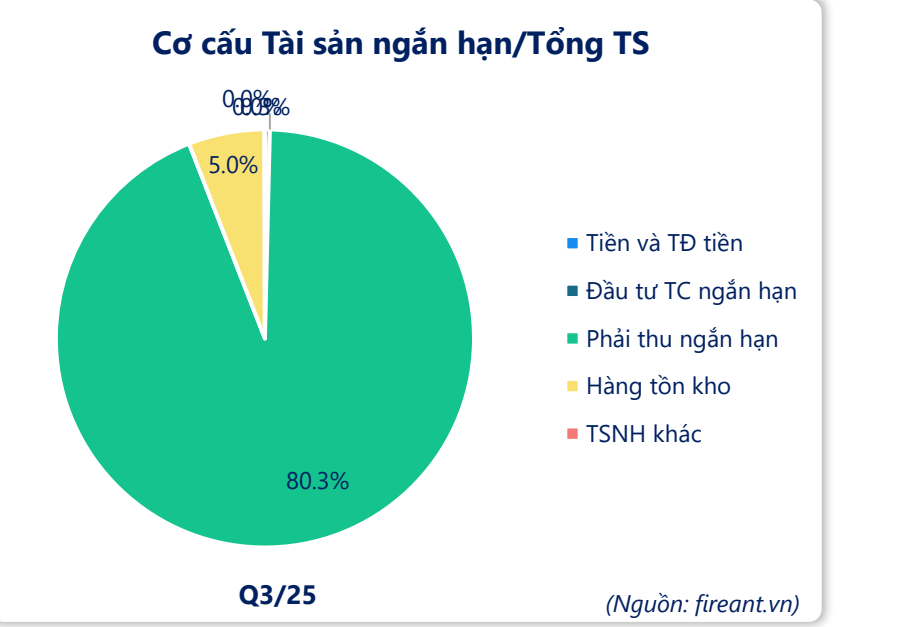
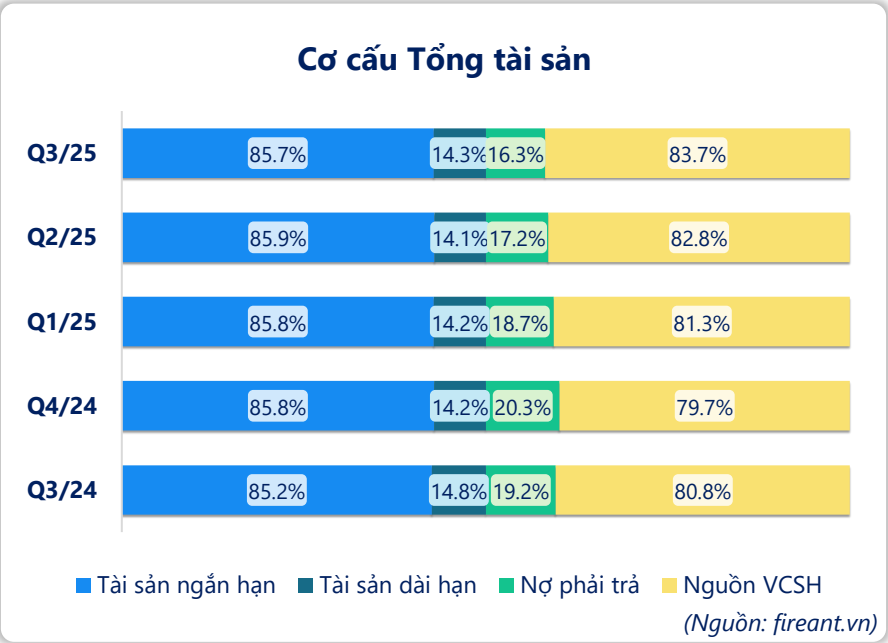
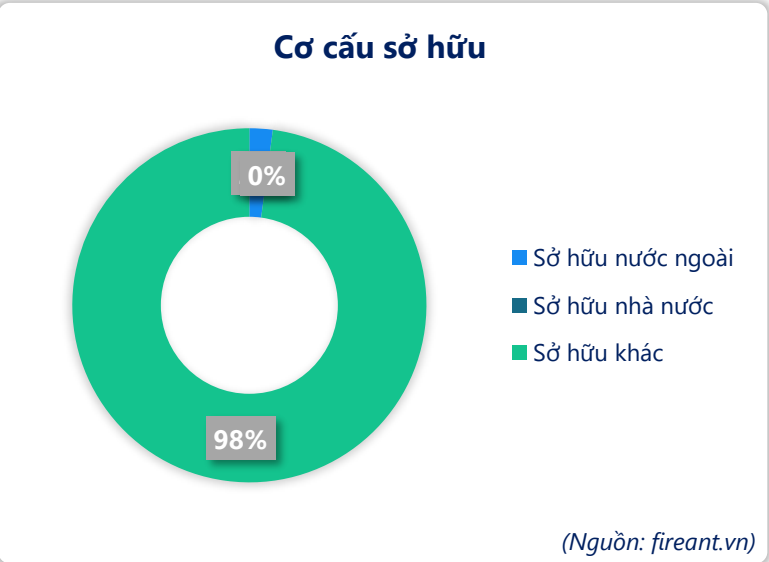
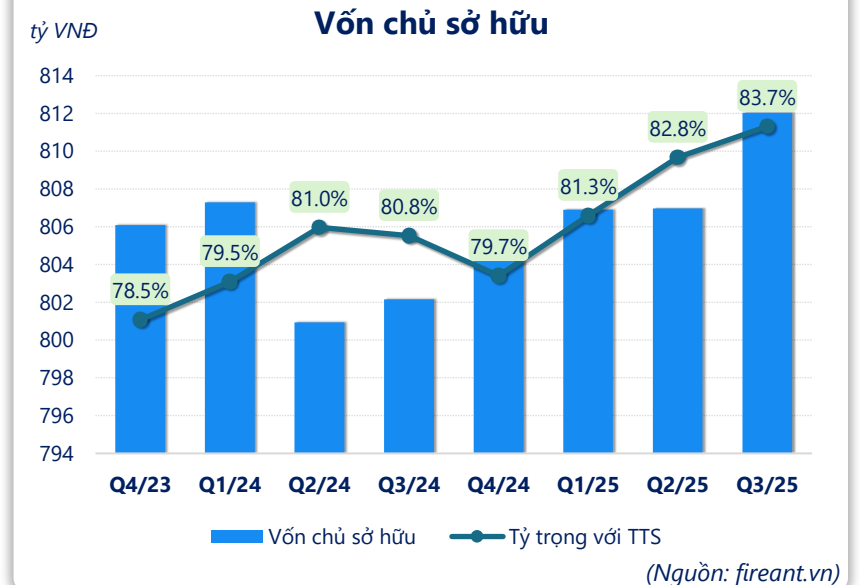
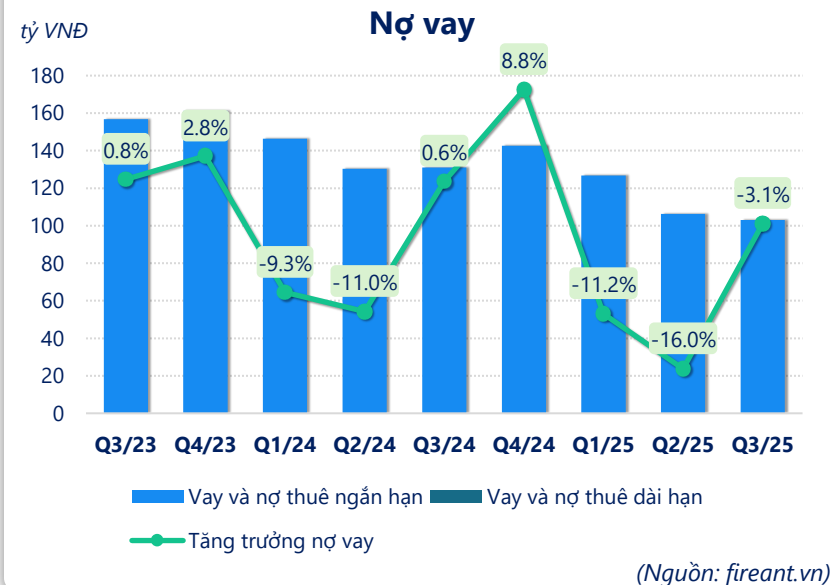
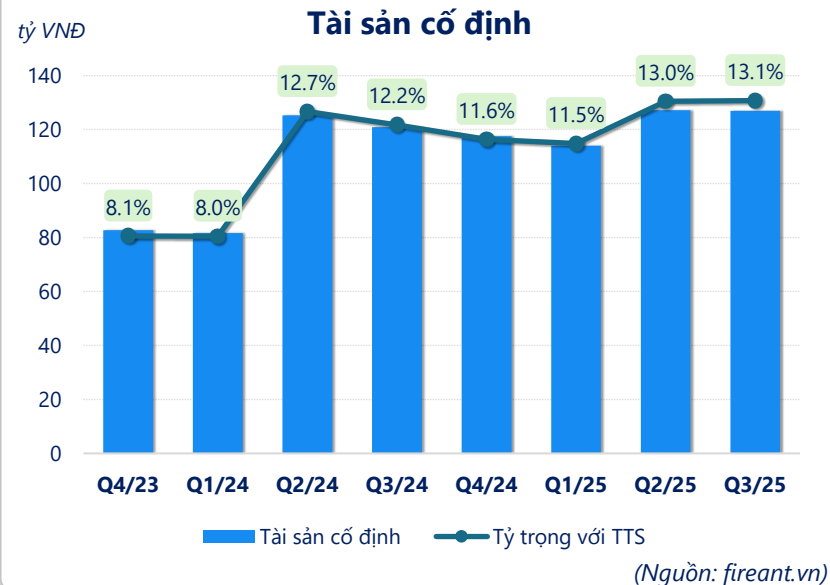
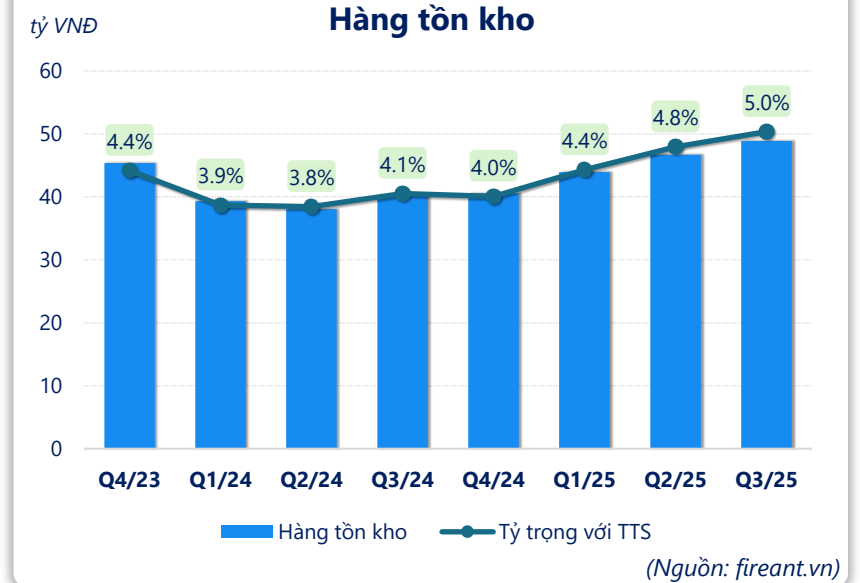
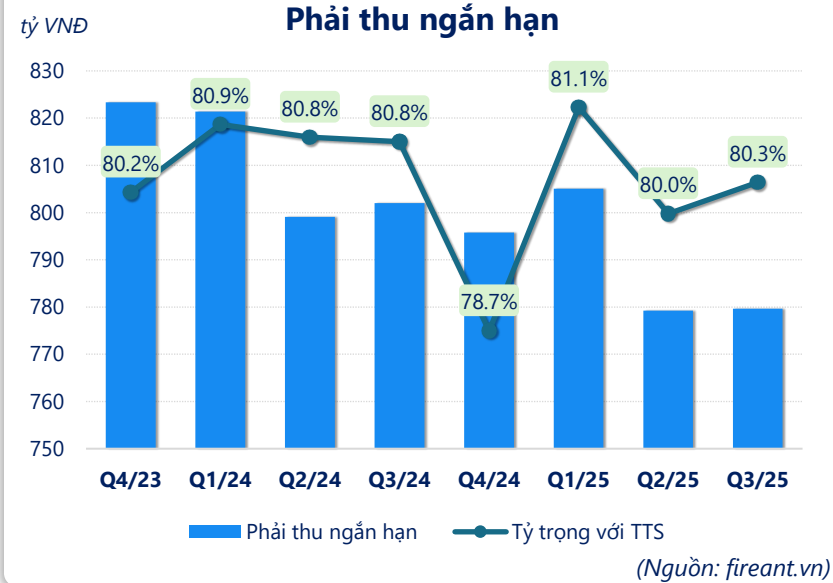
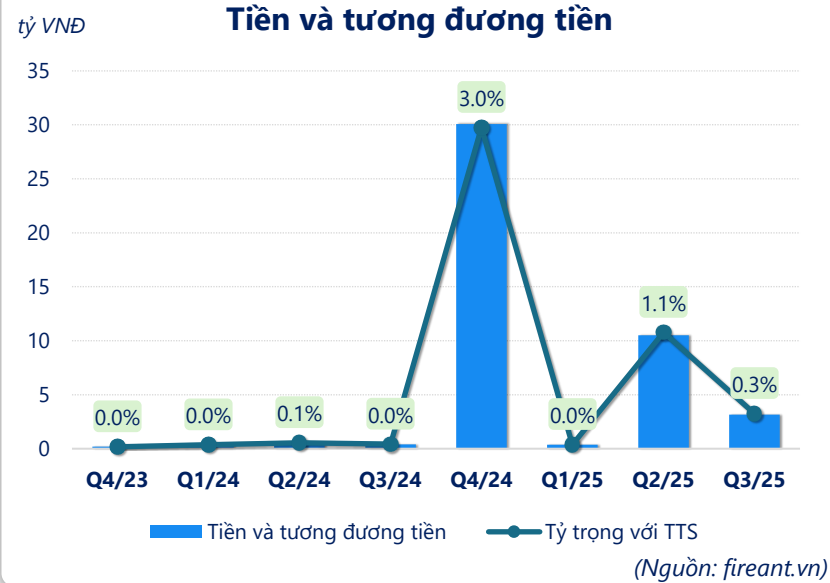
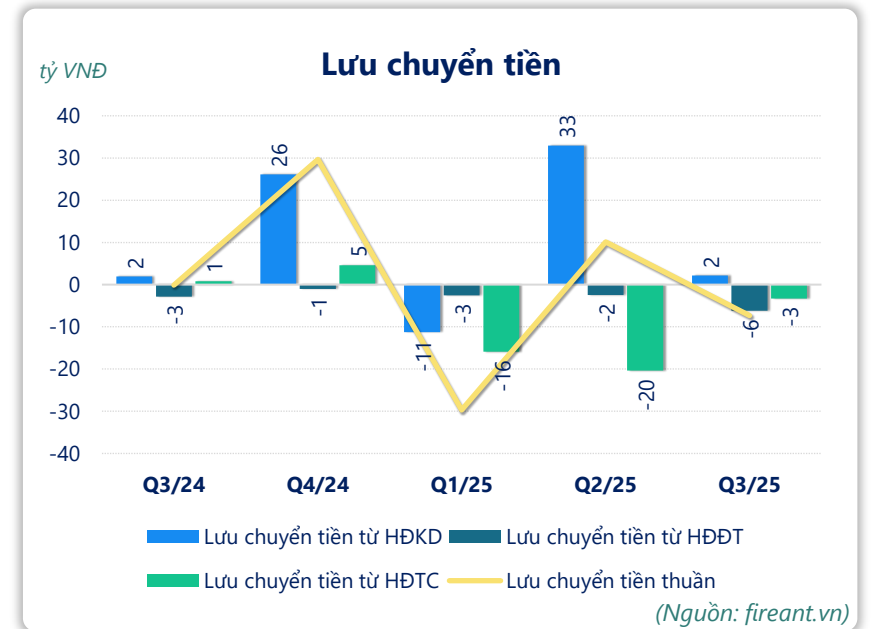
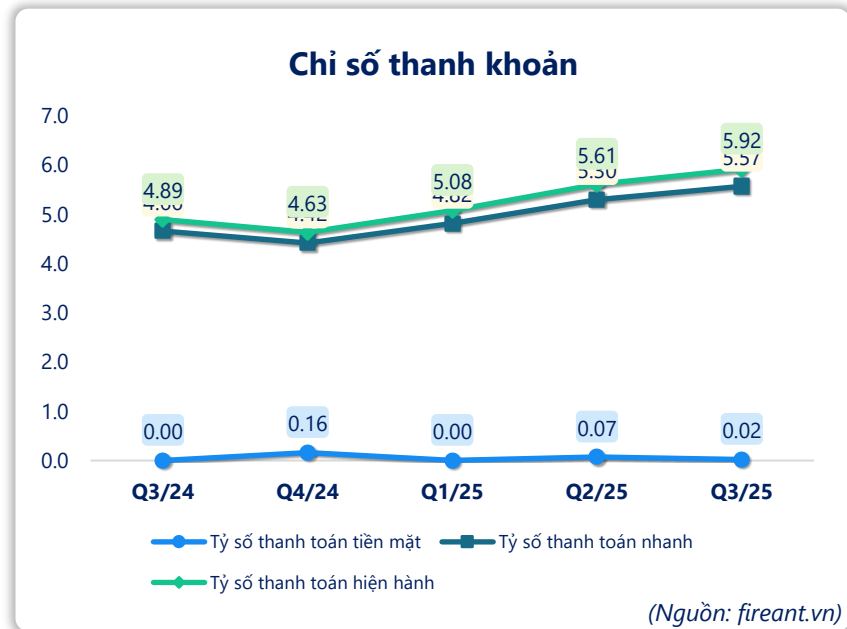
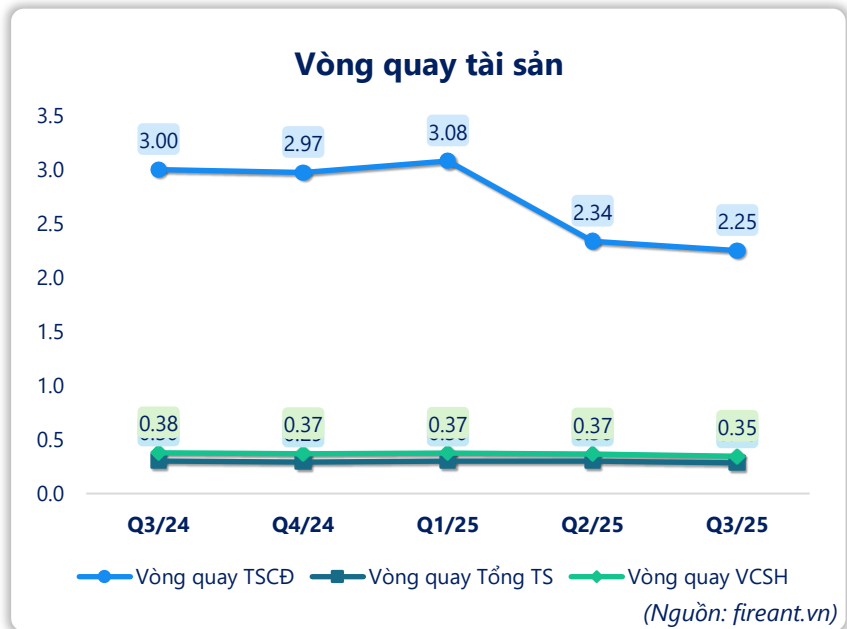
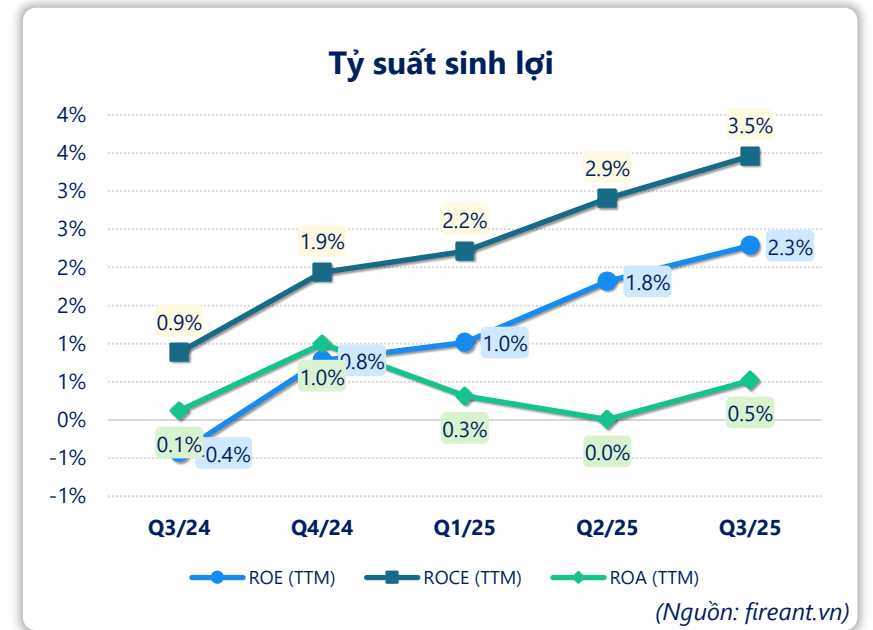
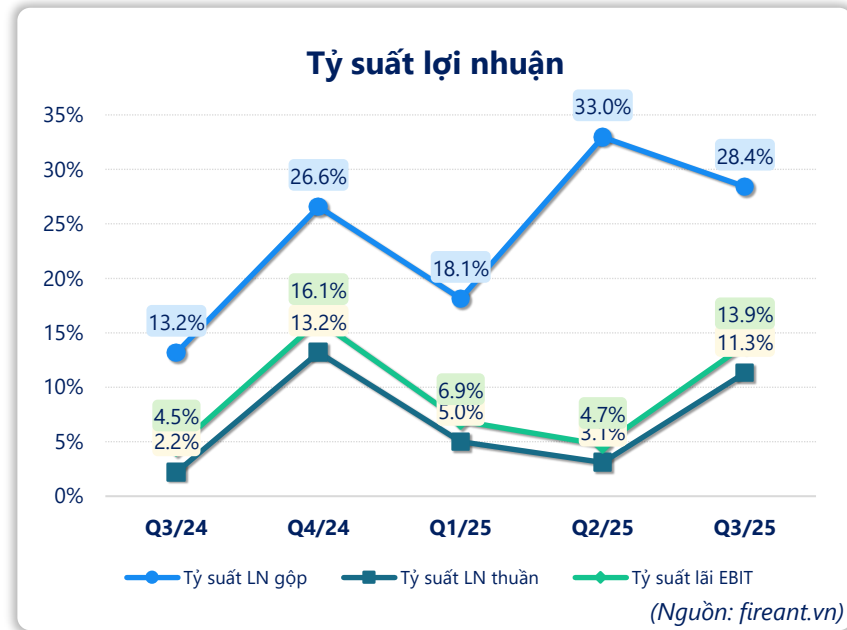
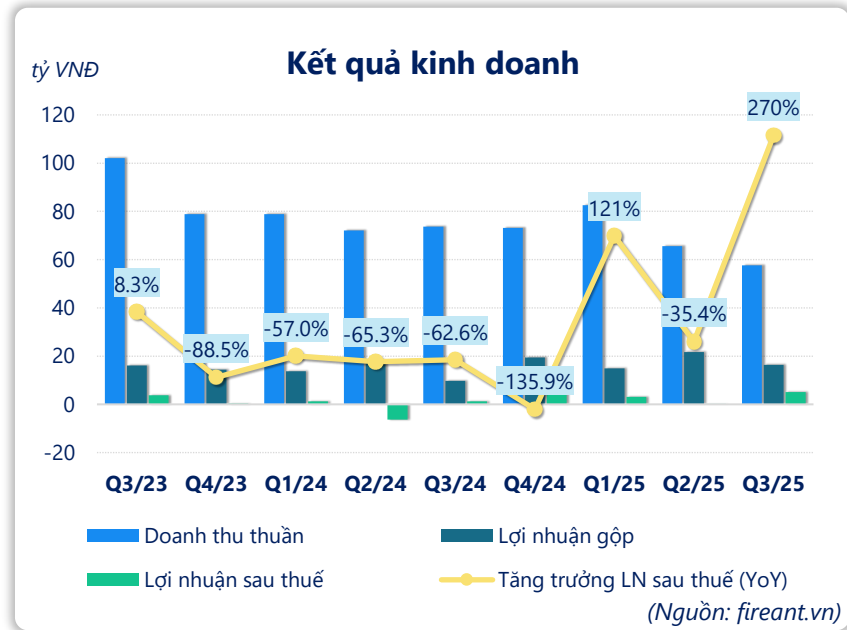


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,131
SL cổ phiếu LH		13,770,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,850
% sở hữu nước ngoài		2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		154
P/E		8.3
EPS		1,340

	YTD	1T	3T	6T
SPM	5.2%	-0.4%	0.0%	-1.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	971	1,009	-3.8%
Tài sản ngắn hạn	832	865	-3.8%
Tiền và tương đương tiền	3.16	30.1	-89.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	780	792	-1.5%
Hàng tồn kho	48.9	40.5	20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.31	2.46	-87.4%
Tài sản dài hạn	139	144	-3.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	127	118	8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.10	20.8	-70.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.75	2.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.92	3.12	-6.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	159	205	-22.6%
Nợ ngắn hạn	141	187	-24.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	103	143	-27.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.9	25.9	-34.7%
Nợ dài hạn	18.0	18.0	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	812	804	1.0%
Vốn chủ sở hữu	812	804	1.0%
Vốn điều lệ	140	140	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	73.7	73.2	82.5	65.6	57.7
Giá vốn hàng bán	64.0	53.7	67.6	44.0	41.3
Lợi nhuận gộp	9.71	19.4	15.0	21.6	16.4
Doanh thu HĐTC	0.03	0.11	0.06	0.13	0.17
Chi phí TC	1.70	1.80	1.66	1.73	1.49
Chi phí lãi vay	1.68	1.73	1.57	1.63	1.46
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.82	6.48	5.66	6.08	4.72
Chi phí QLDN	3.59	1.62	3.57	11.9	3.82
LN thuần từ HĐKD	1.62	9.65	4.12	2.02	6.53
Lợi nhuận khác	0.00	0.39	0.00	-0.56	0.00
LN trước thuế	1.62	10.0	4.12	1.46	6.53
Lợi nhuận sau thuế	1.22	10.2	3.15	0.07	5.07
LNST của CĐ cty mẹ	1.22	10.2	3.15	0.07	5.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.91	26.1	-11.2	32.9	2.14
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.86	-1.04	-2.56	-2.43	-6.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.81	4.59	-15.9	-20.4	-3.29
Tiền đầu kỳ	0.55	0.41	30.1	0.38	10.5
Lưu chuyển tiền thuần	-0.14	29.7	-29.7	10.1	-7.33
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	0.41	30.1	0.38	10.5	3.16

(Nguồn: fireant.vn)